



www.FencingTime.com

Men's Foil

Round #1 Pool Results

Tournament: H31西日本シニア男子
 Date: 2019年2月9日 - 9:00
 FIE Document: FE_FIE_0007

MF

1		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
吉弘, 航平	鹿児島南高	1		V5	D2	D4	V5	2	0.50	16	13	3
安藤, 壮司	愛工大名電高	2	D2		D3	D0	V5	1	0.25	10	16	-6
相馬, 雅樹	朝日大学	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	6	14
馬場, 俊輔	大垣南高	4	V5	V5	D0		V5	3	0.75	15	10	5
石田, 記也	徳島C	5	D1	D1	D1	D1		0	0.00	4	20	-16

2		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
大平, 陽平	城ノ内高	1		D4	D2	D1	D1	0	0.00	8	20	-12
石村, 隆之介	岩国工業高	2	V5		D1	V5	D1	2	0.50	12	16	-4
石井, 魁	中央大学	3	V5	V5		V5	D2	3	0.75	17	12	5
小坂井, 翼	大垣南高	4	V5	D2	D4		D3	1	0.25	14	16	-2
田中, 風舞	龍谷大平安	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	7	13

3		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
西尾, 亮介	広島C	1		D1	D2	V5	D1	1	0.25	9	18	-9
安養寺, 弘樹	京都C	2	V5		D3	V5	V5	3	0.75	18	7	11
岩田, 圭介	法政大学	3	V5	V5		V5	V5	4	1.00	20	9	11
水野, 理貴	愛知工業大学	4	D3	D0	D3		D4	0	0.00	10	20	-10
小野, 凌雅	大垣南高	5	V5	D1	D1	V5		2	0.50	12	15	-3

4		Referee(s):
----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
榎本, 芽玖	中央大学	1		V5	V5	V5	D1	3	0.75	16	10	6
吉田, 樹生	龍谷大平安	2	D3		V5	V5	V5	3	0.75	18	12	6
荒川, 彰仁	大垣南高	3	D1	D2		D2	D2	0	0.00	7	20	-13
早野, 雄貴	京都産業大学	4	D1	D2	V5		D3	1	0.25	11	17	-6
津江, 碧	山口C	5	V5	D3	V5	V5		3	0.75	18	11	7

5	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
吉岡, 慶太	慶應義塾大学	1		V5	V5	V5	D3	3	0.75	18	7	11
伊東, 英汰	愛工大名電高	2	D0		D2	V5	D0	1	0.25	7	17	-10
鈴木, 康一	熊本C	3	D2	V5		V5	D3	2	0.50	15	13	2
戸谷, 一貴	大垣南高	4	D0	D2	D1		D0	0	0.00	3	20	-17
井神, 俊兵	和歌山北高	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	6	14

6	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
北村, 透海	法政大学	1		V5	V5	D3	V5	3	0.75	18	12	6
福井, 秀明	甲南大学	2	D1		V5	D0	D2	1	0.25	8	16	-8
前川, 翔太	徳島C	3	D3	D1		D1	D2	0	0.00	7	20	-13
ビューワーニック, ダグラス	SEISA	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	7	13
宮川, 恒	龍谷大平安	5	D3	V5	V5	D3		2	0.50	16	14	2

7	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
宮地, 恭平	愛知工業大学	1		D3	V5	V5	D3	2	0.50	16	13	3
神杉, 諒太	立命館大学	2	V5		V5	V5	D3	3	0.75	18	12	6
浦川, 佳之	京都産業大学	3	D1	D0		D3	D0	0	0.00	4	20	-16
宮坂, 遼	大垣南高	4	D2	D4	V5		D0	1	0.25	11	18	-7
船本, 誠志郎	NEXUS PLUM	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	6	14

8	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
道脇, 啓太	熊本C	1		V5	D4	V5	V5	3	0.75	19	15	4
津田, 定慶	國學院大學	2	D4		D1	D3	V5	1	0.25	13	16	-3
北村, 賢史	京都C	3	V5	V5		D4	V5	3	0.75	19	12	7
丹保, 諄也	関西学院大学	4	D2	V5	V5		V5	3	0.75	17	14	3
大野, 瑞輝	大垣南高	5	D4	D1	D2	D2		0	0.00	9	20	-11

9	Referee(s):
----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
永澤, 宏紀	慶應義塾大学	1		D4	D3	D0	D2	0	0.00	9	20	-11
太田, 拓輝	愛工大名電高	2	V5		D3	D4	D3	1	0.25	15	19	-4
溝口, 晴也	大垣南高	3	V5	V5		V5	D4	3	0.75	19	12	7
奥本, 龍一	朝日大学	4	V5	V5	D1		D3	2	0.50	14	14	0
佐々木, 拓海	愛知工業大学	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	12	8

10	Referee(s):
-----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
柏原, 翔太	岩国工業高	1		V5	D4	D4		1	0.33	13	12	1
伊藤, 大智	大垣南高	2	D2		D1	V5		1	0.33	8	14	-6
久米, 春貴	明治大学	3	V5	V5		V5		3	1.00	15	6	9
古川, 蓮	鹿児島南高	4	V5	D4	D1			1	0.33	10	14	-4

11	Referee(s):
-----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
齋藤, 有	宮城県	1		V5	V5	V5	D1	3	0.75	16	10	6
黒川, 康貴	近畿大学	2	D2		D1	V5	D1	1	0.25	9	15	-6
尾川, 世我	朝日大学	3	D3	V5		V5	D2	2	0.50	15	11	4
多賀, 優心	大垣南高	4	D0	D0	D0		D1	0	0.00	1	20	-19
富田, 優作	中央大学	5	V5	V5	V5	V5		4	1.00	20	5	15

12	Referee(s):
-----------	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
安井, 康太郎	龍谷大平安	1		D1	V4	D3		1	0.33	8	11	-3
竹村, 連	慶應義塾大学	2	V5		V5	V5		3	1.00	15	6	9
坪井, 瞭	京都産業大学	3	D1	D4		V5		1	0.33	10	13	-3
大類, 弘輝	京都C	4	V5	D1	D4			1	0.33	10	13	-3

13	Referee(s):
----	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
福島, 海斗	朝日大学	1		D2	D0	D1	V5	1	0.25	8	19	-11
伊藤, 真吾	愛工大名電高	2	V5		D3	D1	D4	1	0.25	13	17	-4
加藤, 啓吾	同志社大学	3	V5	V5		D3	V5	3	0.75	18	8	10
大竹, 諒	岐阜各務野高	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	7	13
森川, 仁	和歌山東高	5	D4	V5	D0	D2		1	0.25	11	19	-8

14	Referee(s):
----	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
中村, 豪	中央大学	1		V5	V5	V5	3	1.00	15	5	10
野口, 舞人	朝日大学	2	D2		V5	D1	1	0.33	8	10	-2
池戸, 椋哉	はしまモア	3	D0	D0		D0	0	0.00	0	15	-15
大竹, 凜	岐阜各務野高	4	D3	V5	V5		2	0.67	13	6	7

15	Referee(s):
----	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
太田, 航輔	和歌山東高	1		V5	D2	V5	2	0.67	12	8	4
原田, 晃佑	朝日大学	2	D3		V5	V5	2	0.67	13	12	1
久光, 健太	京都C	3	V5	D4		D4	1	0.33	13	12	1
津田, 憲尚	大垣南高	4	D0	D3	V5		1	0.33	8	14	-6

16	Referee(s):
----	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
佐野, 多加文	和歌山C	1		V5	D2	D2	V5	2	0.50	14	10	4
多賀, 亮弥	大垣南高	2	D0		D4	D2	V5	1	0.25	11	17	-6
江村, 将太郎	杉並FC	3	V5	V5		D4	D4	2	0.50	18	16	2
池畑, 亮太郎	三重クラブ	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	11	9
藪, 一輝	愛知工業大学	5	D0	D2	V5	D3		1	0.25	10	19	-9

17		Referee(s):
-----------	--	-------------

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
服部, 翔斗	大垣南高	1		D1	D1	D2	V5	1	0.25	9	16	-7
松村, 侑馬	中央大学	2	V5		V5	V5	V5	4	1.00	20	4	16
井上, 航	京都産業大学	3	V5	D2		D2	V5	2	0.50	14	13	1
小田, 隆介	法政大学	4	V5	D1	V5		V5	3	0.75	16	11	5
松原, 久弥	和歌山東高	5	D1	D0	D2	D2		0	0.00	5	20	-15